

LÀNG-NHÂN

Chuyên VÔ LÝ



Sa-Déc

Friday, June 17, 2016

NAM CHI TÙNG THƯ

<http://bielun.hopto.org>

LÃNG-NHÂN

CHUYỆN VÔ-LÝ

Tựa của

NGUYỄN-GIANG

TỰ A

Theo như nghĩa thông-thường, thì một câu chuyện vô-lý là câu chuyện cao hơn, trội hơn cái trí hiểu-biết và xét-đoán của mình. Vô-lý có nghĩa là bất-ngờ : một việc ta đoán, hoặc cứ tự-nhiên thì ta tin, ta tưởng nó thế này, mà nó lại xảy ra thế kia.

Thí dụ có người kể với tôi câu chuyện này : một hôm tôi đang đi chơi trên một con đường vắng-vẻ, bỗng thấy một người đi phía trước tự dưng bay lên cao hai ba thước, rồi rơi xuống, rồi sau người ấy lại cứ điềm-nhiên đi đứng như trước. Tôi lại hỏi thì người ấy nói không thấy có gì khác thường cả.

Từ những chuyện vô-lý hiển-nhiên làm cho ta ngỡ người ra như thế, cho đến những chuyện vô-lý còn-con vẫn luôn-luôn diễn ra trước mắt ta hằng ngày mà ta không để ý nhận-xét ra hết, sự bất-ngờ thật là có đủ các thứ bậc, giải ra trong khắp các tầng lớp xã-hội, trong tâm tình chúng ta, trong mọi sự cử-động hành-vi của người đời.

Cuộc đời trần-tục chúng ta, nếu không có những sự bất-ngờ như thế thì buồn lắm. Bọn chúng ta sở dĩ còn có được những lúc vui, lúc cười, lúc hề-hả, là toàn do những sự bất-ngờ. Chỉ có rằng sự bất-ngờ

lớn bé khác nhau mà thôi. Sự bất-ngờ, khi nó bé nhất, thì nó trùng vào bản-năng nhận-xét sự vật của con người ta.

Góp những chuyện bất-ngờ lớn bé mình đã mục-kích hoặc nhận-xét được mà kể ra, âu cũng là một cách rất hay để kích-thích và bồi-bổ cái trí nhận-xét sự-vật của nhiều người khác.

Ấy ngay từ lúc thoát mới nhìn thấy cái nhan-đề « Chuyện Vô-Lý » tôi vẫn thăm tin, thăm tưởng, thăm đoán cái sơ-vi-ý của người viết là như thế. Nhưng đúng hay không, không lấy gì làm chắc, vì sự thực thì những chuyện vô-lý có cái phạm-vi to-tát vô-cùng. Thí dụ như có câu chuyện có lý rành-rành mà khi nói đến, ta cứ nhất-định cho nó là vô-lý, thì đấy hẳn cũng lại là một câu chuyện vô-lý.

Có chuyện vô-lý ở ngoài ta. Có chuyện vô-lý ở trong ta. Phi ngoài ta thì trong ta, chuyện đời lúc nào chẳng có thể là vô-lý?

Những chuyện đã gọi là vô-lý, mà cứ nhất-định dựa vào cái trí xuyên-tạc của mình để tìm cho nó có một lý này lý nọ, sao cho khỏi cũng lại là gây thêm ra một chuyện vô-lý nữa.

Sa-Đéc

Friday, June 17, 2016

Tôi xin nhường lời lại cho ông bạn Lãng-Nhân.

NGUYỄN-GIANG

<http://tieulun.hopto.org>

CHUYỆN VÔ-LÝ

ĐÔNG TÂY HAI NGÃ

Người ta bấy lâu tốn công hô hào mãi cái tình đoàn-kết thân-thiện của Đông với Tây, có lẽ chỉ vì Đông với Tây chia đôi hai ngã, khó mà dắt tay nhau đi một đường. Cứ xem trong những sự cón-con, đủ thấy hai ngã ấy cách xa nhau dường nào.

Tây đọc và viết từ trái sang phải ; Đông đọc và viết từ phải sang trái. Sách Tây, lời chú-thích ghi xuống dưới trang ; sách nho, lời chú-thích chép ở đầu trang. Vào chốn trang nghiêm, Đông chụt giầy, Tây bỏ mũ. Chào nhau, người Tây bắt tay nhau, người Đông thì mình bắt tay mình (*người ta bảo thế là chấp tay mà vái*). Tây cắt ngược dao trở lại ; Đông cắt xuôi dao trở đi. Đông ăn canh sau, Tây dùng súp trước.

CHUYỆN VÔ-LÝ

Giải khát, Tây uống nước đá, Đông uống nước sôi. Gọi nhau, Tây ngoắt tay lên, Đông vẫy tay xuống. Đông đề tang bằng màu trắng, Tây màu đen ; cô dâu Đông áo đỏ, cô dâu Tây áo trắng. Đề bì thư, Tây biên tên người, số nhà, phố, tỉnh ; Đông đề tỉnh, rồi phố, số nhà, rồi mới đến tên người...

Thật là trái ngược vô cùng.

Có người lại qui những sự trái-ngược ấy vào từng loại, mà bảo « *Tây hơn Đông về ăn-mặc và ăn ở, Đông hơn Tây về ăn-uống và ăn-hút* ».

Đông ăn-mặc lôi thôi cầu-thả bao nhiêu, quần-áo Tây lại gọn-gàng cứng-cáp bấy nhiêu : áo làm việc, áo đi chơi, áo sáng, áo trưa, áo chiều, ngần ấy thứ của Tây, Đông đối lại chỉ có tấm lưng ba-chỉ.

Ăn-ở, Tây cũng êm-đềm ngăn nắp. Nhà, giường, bàn, ghế, nơi ăn chốn chơi, chỗ nào cũng gọn mắt và êm mình. Đông thì chẳng qua : bộ ghế ngựa đau xương, cái gối sứ sái cổ.

Trái lại, về ăn uống, Đông tinh hơn Tây. Đông biết ăn vậy, ăn bóng, ăn tổ đĩa, tóc tiên, biết thưởng hương trà một cách phong-nhã, biết nhắm từng giọt rượu thuốc rồi rung đùi ngâm thơ.

Tây lại kém cả Đông cách ăn-hút. Tây chỉ có một

CHUYỆN VÔ-LÝ.

cách hút rất sơ sài : đốt lá thuốc để lấy khói. Dù thuốc lá hay điều cày, không có gì khác. Điều si-gà chẳng qua là một túm lá đem ngậm trên môi... Đông thì khói thuốc lảo lợc qua một bể nước, tiếng hút lên khanh-khách kêu ròn ; khói thuốc phiện từ chất nhựa nấu ra, lấy từng giọt đốt cho sùi mặt quí, vê tròn chôn quít vào nhĩ tẩu, chiếu lên giữa ngọn thần-đăng, bấy giờ mới vo-vo khúc nhạc lưng trời.

Suy đấy thì ra có lẽ là Tây tinh về sò và trông, Đông sành về nệm và ngủi. Còn sự nghe thì chắc chắn là cả hai bên cùng lồm bồm, chưa bên nào nghe thủng bên nào...

Ấy là xét theo những điều nhận thấy dưới mắt, những điều quan-sát ở bề mặt. Có nhà thông-thái còn nghiệm ra một điều khác nhau của Đông với Tây : Đông là phía nghèo, Tây là phía giàu. Nơi đô-thị nào cũng thế, thợ-thuyền ở những giấy phố đen tối đàng đông, còn phía tây là nơi rộng-rãi khang-trang của nhà phú-quí.

Cho hay phú-quí là Tây, Đông chỉ chui-rúc lũ dân nghèo-đói, lao-khổ, tôi-mọi, lẽ trời không biết có phải đã định như thế những tự bao giờ ?

Còn bảo rằng về tinh-thần, Đông tĩnh Tây động, mỗi đàng một quan-niệm riêng, thì nếu cuộc sinh-tồn

CHUYỆN VÔ-LÝ

chỉ là trường sát-phạt mạnh được yếu thua, không ai chối được rằng Tây vẫn « sống » hơn Đông. Song le, ví lại coi cuộc sinh-tồn là dù được hay thua, sự được thua cũng nên có một nghĩa gì cao hay phải, ta có lẽ lại phải nhận rằng Đông chưa ắt đã vô-nghĩa hơn Tây.

Nhưng mà, sống-còn, có cần gì nghĩa lý !

HAI LỄ CÔNG TƯ

Sa-Đéc

Friday, June 17, 2016

Có nhiều ông đã hút quen cái không-khí bên Tây, khi trở về nhà, như lấy làm khó chịu. Cái nhà của tổ-tiên có ba gian chống-chếnh, chỗ ăn chỗ nằm lẫn lộn, phòng nọ tiếp tới phòng kia không có ngăn-cách, thành ra muốn tạo lấy một phòng riêng để sống riêng cái đời cá-nhân, thật là sự rất khó. Muốn tới phòng mình, phải đi qua bao nhiêu phòng khác ; về tới phòng mình cũng còn phải chung-đụng với mấy phòng chung quanh... Đời tư với đời công ngay ở trong nhà, cũng đã khó mà tách-bạch được rồi.

Mà thật ra, hai cái đời tư và công, bên ta vẫn không bao giờ tách-bạch được. Khi nào cái sập chân quì nhà ông nghị, còn làm chỗ ăn, chỗ ngủ, chỗ đánh tổ-tôm,

CHUYỆN VÔ-LÝ

thì ông nghị lúc cấp cấp da vào viện được kêu là « ông nghị », lúc về nhà cỡi trần ngồi ăn cơm cũng là « ông nghị », lúc lên giường hay xuống xóm cô-đầu, vẫn là « ông nghị ». Sau bốn năm mãn khóa, cái tên « ông nghị » vẫn còn, nó đã thay hẳn cho cái tên chính của mình, mà theo mình đến lúc nhập quan chưa mất. Nào có thể thôi. Còn bà vợ nữa, cũng nghiêm-nhiên làm « bà nghị » lúc tằm trầu hay khi ngồi đánh chẵn vẫn chưa thôi làm « bà nghị ».

Như thế, thật khác xa lối sinh-hoạt tách-bạch của người Tây. Tôi nói người Tây, là nói những người ở bên nước Tây. Còn những vị quý-quan đã sang ở đất thuộc-địa, thì cách sinh-hoạt hình như cũng theo vào cách sinh-hoạt của người bản xứ ít nhiều.

Hình như sang tới đây, hai cái đời công tư cũng vì khí-hậu, vì thủy-thổ, mà không phân biệt ra nữa.

Trong báo *Effort*, một số trước đây, có bài của ông Xuân-Tiểu, nói về món tiền phụ-cấp đi xe hơi của các viên-chức Pháp. Theo ông Xuân-Tiểu, thì « mỗi năm công-quỹ phải ghi số tiền là 279.000 \$ về khoản phụ-cấp ấy, mà những công-xa ấy, thường không phải là dùng riêng vào việc công : nhiều khi vẫn dùng để các quý-phu-nhân đi hót tóc, đi xắm đồ, đi rạo mát quanh « đường thất lưng ». Một năm kia, có một vị

giám-đốc nha tài-chính đi nghỉ mát ở Đà-Lạt, khi từ Đà-Lạt về Saigon, về đến Saigon mới biết rằng đã bỏ quên ở Đà-Lạt một cái khăn quàng, bèn cho xếp-phơ đánh xe lên Đà-Lạt lấy về».

Chuyện này làm cho ta nhớ lại chuyện một nhà triệu phú Hoa-Kỳ đi tàu bay từ Mỹ sang Anh. Khi về bỏ quên cái mũ « phớt », liền cho tàu bay trở lại nước Anh lấy mũ.

Kề ra lấy mũ với lấy khăn quàng, hai cách lấy cùng công như nhau. Có điều hơi khác là nhà triệu-phú cho tàu bay đi lấy mũ thì dùng tiền của mình ; còn ông Giám-đốc tài-chánh cho xe-hơi đi lấy khăn quàng thì tiền dầu « xăng » lại do bọn dân đen xứ này trả hộ.

Chung-qui chỉ tội ở cái khí-hậu nơi thuộc-địa thật quá gắt-gao. Nóng như hun đúc khiến cho đời công và đời tư ở nước người thì minh-bạch thế, mà sang đây, nó chảy ra thành lẩn cả...

ÔNG TÂY ANNAM

Không buổi nào lạ-lùng như cái buổi « *tây-tầu* » này. Trong cuộc « *phối hợp của bút sắt và bút lông* », sinh ra có nhiều cái thai thuận, cũng không phải không có nhiều cái thai quái-gở.

Đông Tây gặp gỡ, thuận lẽ trời thì đẻ ra đàn con Pháp-Việt, mũi có cao nhưng tóc thường đen, mắt có xanh da cũng hoe vàng. Trái lẽ trời thì nảy ra bọn « *ông Tây Annam* » bóng dáng thì đặc annam mà khi viết văn thì dùng *quốc-văn* (chữ tây) khi diễn-thuyết cũng bằng *quốc-ngữ* (tiếng tây), rất hay tỏ lòng yêu nước (*nước Nam*) thương nòi (*nòi Việt*).

Lại cũng có ông Tây Annam làm quan tại triều, đến chức thượng thư. Triều Gia-Long đã từng có hai

ông Tây-đặc làm quan to hơn, mỗi ông có 50 lính hầu và khi vào châu không phải lạy ; vậy làm đến thượng-thư không có gì lạ lắm.

Lạ hơn tất cả, có lẽ là hai ông Tây Annam kia ở vùng Hải-Dương.

Hai ông này vốn là annam — annam trăm phần trăm — nhưng hai ông nhất định xin vào Pháp-tịch, vì hai ông quả-quyết rằng mình là tây. Tòa-án giao hai ông cho một viên bác-sĩ khám-nghiệm. Bác-sĩ khai rằng hai ông không có chút máu tây nào trong huyết-quản. Hai ông không chịu (*lẽ tất nhiên*), hai ông xin tòa cử một bác-sĩ khác khám lại. Thì bác-sĩ này kết-luận : — Hai ông tuy *hình dáng* annam nhưng *da thịt* tây.

Tòa đã theo lời bác-sĩ này mà nhận cho hai ông đúng là dân trong làng tây.

Thịt da ai cũng là người, nay nhờ có bác-sĩ ta mới biết có thứ da thịt annam, có thứ da thịt tây.

Ừ, mà kể ra mình cũng ngu độn thật ! Sao không xem như trong loài cây, có nhiều thứ hình dáng giống nhau : cây đa giống cây đề, cây sanh giống cây si, cây vả giống cây sung, sở dĩ có chỗ khác nhau có lẽ là về da thịt.

Lại không xem trong loài vật, có rõ là rùa giống

ba-ba, gà giống cuốc, cháo-chuộc giống ếch-ương, trạch giống lươn, mèo giống cáo, hình thù thì tựa-tựa như nhau, vậy mà thực ra thì lại khác nhau, khác nhau rõ-ràng là về da thịt.

Thế thì ta có khác tây về da thịt đi nữa, cũng là lẽ tự-nhiên.

Song khác nhau như thế nào ?

Có người sành sỏi bảo rằng : thịt tây to thớ, da tây trắng và nhiều lông ; còn thịt ta nhỏ thớ, da ta vàng và ít lông.

Cứ kể nhận như thế cũng là rành lắm rồi. Nhưng tôi tưởng da tây, thứ nhất là da tây ở dưới trời thuộc-địa, còn có cái đặc-tính là gầy hơn da ta, nhưng quý giá vô cùng : hễ ai chạm đến là tù-tội.

Còn da ta thì dầy dạn, có thể quất bằng gân bò, tát bằng ngón tay chuối mần, đá bằng giầy đinh, hay đem đốt bằng nến như ở Hà-Tiên vừa rồi, cũng cứ gọi là trắng án như thường.

Mong rằng không phải vì thế mà hai ông trên này nhất định xin vào làng tây !

DẤU-HIỆU CỦA THẾ-KỶ

Ông Albert Rieu, bạn tôi, là người đeo một cái tên lạ-lùng, không Tây, không Ta, một thứ tên có thể coi là một dấu-hiệu của thế-kỷ.

Cái tên lại có khi là dấu-hiệu một thế-kỷ ?

Hẳn chứ ! Một tên thị Cún, đủ làm chứng cho cả một thời-đại trọng nam khinh nữ, một thời-đại vui-rấp số phận đàn-bà. Đến khi đặt ra những tên Kim-Lan, Lệ-Thu, ta có thể biết rằng thời-đại đã có một cơn gió lãng-mạn thổi qua, người ta đuổi theo tưởng-tượng bằng những hình-ảnh lộng-lẫy để quên cái sự thật nhiều khi không ưa con mắt.

Albert Rieu cũng là một dấu-hiệu rõ rệt.

CHUYỆN VÔ-LÝ

Giá ở vào lúc học nho đương thịnh, thì ông Riệu đã lấy biệt hiệu là Tô-Giang hay Nùng-Sơn, vì ông ấy tất nhiên phải là một nhà nho đội khăn lượt, để móng tay dài, mặc áo Thượng-Hải, chân dận đôi văn-hải bước đi nhẹ-nhẹ, mắt ngắm bộ tranh Kỳ-lân trên vách, hay cảnh lan Trăn-mộng trong lọ sứ Giang-Tây.

Nùng-Sơn tiên-sinh sẽ pha ấm trà độc-âm, hoặc nhấp chén rượu hoàng-hoa, ngâm câu thơ Đường, bình bài văn Tống, nẩy cao-sơn lưu-thủy trên sợi tơ đồng.

Tiên-sinh thật là hào-hoa phong nhã, đúng như một bậc tuấn-sĩ ngày xưa... ở bên Tàu.

Nhưng ông Riệu không sinh vào buổi ấy. Ông ra đời vào lúc « gió Mỹ mưa Âu ».

Ngực lép ông ưỡn ra, vai xuôi ông xo lên, khi đi thì bước đi lanh-lẹ, khi ngồi thì ngay lưng ra cho thẳng thắn, bắt bộ áo may theo đúng một của ông phải tạo cho ông một vẻ Tây « *trăm phần trăm* ».

Ông cố nói ra giọng ồ ồ, thỉnh thoảng nhếch mép cười hay bấu môi, hoặc nhún vai, nhất-nhất đều theo đúng như lối Tây.

Ông xỉ mũi và nhổ bọt vào mùi-soa rồi nhét túi ; ông ngâm-ngả những điệu hát tây ; ông uống rượu mạnh, đánh cờ tây, bài tây, đàn tây, và nhảy đầm.

CHUYỆN VÔ-LÝ

Mái tóc đen ông đã nhuộm đỏ được rồi, chỉ còn cái mũi với màu da, giá có phép gì làm cho lỗ ra, trắng lại, tưởng có mất đi mười tuổi, ông cũng đánh đổi ngay, không tiếc.

Muốn khỏi lẫn với đồng-bào, ông bỏ dấu quốc-ngữ ở tên đi, ghép một tên tây vào, và đề trên tấm thiệp : *Albert Rieu*, rồi thảo đơn xin một chân hội-viên trong « *xéc* » tây, đề cho thấy rằng ông sinh-hoạt thật *cầm* như người phương tây...

Người ta thấy ông Riệu văn-minh thẽ, khen ông là đúng điệu.

Những người khen ông Albert Rieu bây giờ, đều là những người khi trước khen Nùng-Son tiên-sinh là phong-nhã.

Thật ra ông Riệu, khi là Nùng-Son hay Tô-Giang tiên sinh, khi là M. Albert Rieu, khi nào cũng chẳng qua chỉ là một ngọn cỏ lướt theo chiều gió mà thôi.

« *Người trên như gió, kẻ dưới như cỏ, gió thổi trên cỏ, thì cỏ phải lướt theo* », câu nói ngàn năm của thầy Không, vẫn còn nghiệm rõ rành rành.

Trong xứ Yvetôt, đức vua một hôm đau chân, đi tập tễnh. Quần-thần trong nháy mắt đều đi tập tễnh cả, dù chẳng hề đau chân như vua.

CHUYỆN VÔ-LÝ

Gặp buổi trời mưa, thái-tử nước Anh vén gấu quần lên cho khỏi lấm. Những tài-trai trong thiên hạ từ buổi đó cũng bắt chước vén gấu quần, dù rằng mình chỉ có đi trong lúc nắng chang chang.

Đều là theo một của kẻ mạnh.

Cho nên thấy tên Albert Rieu, ta chẳng nên lấy làm lạ, thấy tên Nùng-Sơn ta chẳng nên lấy làm hay. Albert Rieu là dấu hiệu một thế-kỷ, thế-kỷ Tây-phong, Nùng-Sơn tiên sinh, cũng là dấu hiệu một thế-kỷ, thế-kỷ Đông-phong.

Muốn biết nước ta thời nào ở dưới văn-minh nào, chỉ ngó mắt nhìn những thứ người ta chuộng trong thời ấy, là nhận ra liền.

Còn muốn tìm xem cái tên Riệu ở lúc nào là hoàn-toàn Annam, có lẽ lật cả ngàn năm lịch sử cũng khó lòng nhận thấy.

Người Tây cho ta là có tài bắt chước mà không có tài sáng-tạo. Tôi tưởng nói thế chưa là đi tới cỗi-rễ.

Cỗi-rễ cái tài bắt chước của ta, là ở chỗ : ta chỉ làm ngọn cỏ lướt theo chiều gió...

DU HỌC

Mỗi đời một khác, ấy là câu cửa miệng của những người không kham được cái mới, chỉ ngậm ngùi thương tiếc buổi xưa, cho cũ là hay hơn mới, cho mới là lỗi lãng, chẳng ra thế nào.

Biết đâu có nhiều cái mới cũng ở cái cũ mà ra, có nhiều cái mới chẳng khác khi xưa là mấy, có khi lại hay hơn xưa nữa.

Tức như môn du-học.

Các ngài đừng tưởng từ khi có phong-trào Âu-hóa, ta có những người anh tuấn vượt biển sang nước người để học tập, thì mới có chuyện du-học.

Theo chuyện Đông-Chu, môn du-học có ở nước Tàu

từ đã lâu, người chủ-trương môn ấy chính là thầy Quĩ-cốc.

Thầy Quĩ-cốc xưa có dạy bốn môn học : số-học, binh-học, xuất-thế học và du-học. Du-học tức là học nghề hùng-biện để đi du-thuyết ở các nước. Tô-Tần học về môn này, khi đã thành tài rồi, xin thầy cho xuống núi, về nhà yêu-cầu mẹ bán hết gia-sản, lấy một trăm dật vàng, đi may áo cừu đen, sắm sửa xe ngựa, nuôi nhiều kẻ hầu hạ, rồi rạo chơi khắp bốn phương, lấy miệng lưỡi mà cầu phú-quí.

Môn du-học của thầy Quĩ-cốc, các ngài nhớ là học thành tài rồi, mới về bán nhà, lấy tiền đi các nước, trở tài hùng biện cho người ta khen phục.

Môn du-học bây giờ có khác xưa đâu !

Có khác, chẳng qua khác trong một vài điểm nhỏ mà thôi.

Môn du-học bây giờ, là bán nhà cửa đi, may lấy áo cừu đen, rồi đi chơi nước ngoài ít lâu, đến khi trở về nước nhà mới đem tài hùng biện mà huyễn-diệu bà con.

Ta chẳng thấy đó ư ?

Những người hàng ngày ta gặp thấy lân la ở nơi

CHUYỆN VÔ-LÝ

quán rượu hàng chè, ăn vận như những tay rất mực ăn chơi ở nước người, nói năng có bộ-tịch, đi đứng có dáng-diệu, động ngời đâu là giở toàn những chuyện thể-giới ra bàn, và nhất là giở chuyện mình ra trước, những chuyện lạ lùng, oái oăm, ghê gớm, mà các ngài nói ra là chuyện mình đã từng trải hăn-hoi, chứ không phải chuyện các ngài chỉ nghe người ta kể ở cảng Marseille.

Ấy đây, những người ấy mới thật là những tay đã du-học thành-tài. Du-học thể thật dễ và sướng hơn lối du-học xưa biết chừng nào !

Cũng có nhiều người đi sang nước ngoài, chăm học lấy tốt-nghiệp, rồi về nước làm ăn như người thường, không lấy sự ở nước ngoài ít nhiều năm làm một cái vinh-dự, không khoe-khoang, không khoe-lác ; nhưng đâu có phải là du-học lối Quĩ-cốc !

Du-học lối Quĩ-cốc, phải dùng miệng lưỡi cho sành.

Những người học môn du-học này, nếu muốn thành tài, đều phải như Trương-Nghi, còn lưỡi là còn... nói khuếch !

GIÁ MỘT CÁI ĐẤU

Sa-Đéc

Friday, June 17, 2016

Sưu tầm những cái trái ngược của Đông và Tây, ta lại phải ghi vào sổ-tay vụ bắt cóc xảy ra vừa đây ở Thanh-Hóa. Bên Tây, bên Mỹ, người ta bắt cóc người sống để hạch tiền; ở Thanh-Hóa, muốn tống tiền, người ta bắt cóc... một cái đầu lâu.

Cho hay người sống, chỉ ở bên Tây mới có giá-trị.

Nhưng đó là chuyện khác ; xin hãy vào đầu để câu chuyện vô-lý này.

Làng Hạ-Vũ, phủ Hoàng-Hóa, một bọn gian đã đào trộm cái đầu lâu ông thân một nhà đại-thương. Đương cho dò tìm, nhà đại-thương bỗng nhận được bức thư, bảo đừng ngày nọ cho một người đàn bà đem ba trăm bạc ra chỗ hẹn mà lấy lại đầu.

CHUYỆN VÔ-LÝ

Đến ngày, người mất của cho một thiếu-nữ đem tiền đi. Đến một bến đò, thì gặp hai người đàn ông lực-lượng, mặt bôi nhọ, tiếng trọ-trẻ, tay cắp dao. Hai người dẫn thiếu-nữ xuống thuyền, chèo đến một bãi cát, lên bãi, bảo thiếu-nữ đợi đây, chờ họ vào giữa bãi lấy đầu lâu ra trao lại. Đầu lâu trao lại, hai người mặt nhọ lĩnh tiền, rồi đưa thiếu-nữ trở về chỗ bến đò.

Thế là không kể công phu, phí tổn, cái đầu lâu đã làm tổn mất ba trăm.

Nếu theo một vài nhà thông-thái trị-giá con người thì trong thân-thể người ta, chất mỡ đủ làm một bánh xà-phòng, chất sắt đủ làm một cái đinh, v.v... cả thân-thể đem bán lấy vài đồng không đắt. Dem giá ấy so với giá đầu lâu kia những ba trăm, thật là một dầy một mỏng.

Nếu lại theo một vài kẻ lập-dị đem đầu lâu ra làm đĩa dùi tàn thuốc lá, hay bắt-chước một bậc vua chúa cũ đem đầu lâu làm cái vật cần dùng trong phòng ngủ, thì đầu lâu chắc chẳng ai công đầu mà đem chuộc tới ba trăm.

Mới biết giá-trị con người không ở chất vôi, chất sắt, chất mỡ hay chất đường trong thân-thể.

Nó ở những cái bám bên ngoài.

CHUYỆN VÔ-LÝ

Đầu những kẻ thân tàn ma dại, chết vùi, chết lấp, thì mỗi khi sửa đường, phu lục-lộ đào lên từng đồng bỏ vào hố vôi. Cái đầu ở phủ Hoàng-Hóa phải trả tới ba trăm, lại phải nhọc công dò hỏi, ấy bởi nó là đầu người thân yêu của một nhà phú-thương.

Là đầu người thân yêu của nhà phú-thương, thì đòi tiền, nhà phú-thương phải chuộc. Nếu là đầu tiên-tổ một bậc anh-hùng, thì đầu có manh tâm bắt cóc để làm nản chí anh-hùng, bậc anh-hùng không vì thế mà thay lòng : tấm lòng sắt đá đến chết cũng không ròi. Phan-đình-Phùng coi nước hơn cái đầu lâu, từng khiến cho kẻ gian thần sạm mặt...

Có nhiều cái đầu khi còn sống, nghĩa là còn đầy « chất sấm » người ta treo giải hàng nghìn để những kẻ tham lam cố tìm cách lấy mà đem dâng. Đến khi chất sấm kia đã quắt lại rồi, không còn ai sợ nữa, người ta bỏ lửng dưới năm mồ hoang.

TÀU VỚI NHẬT

Mấy ông già trong xóm tôi ngày nào cũng họp nhau đọc báo xem việc Tàu Nhật đánh nhau, rồi mỗi người một câu, bàn-tán về chiến-lược, về quân-bị, về cơ thắng-bại của mỗi bên, có vẻ quyết-đoán lắm. Tưởng chừng như những tờ báo thông-tin, đều nói ra toàn sự thực đáng tin cả !

Sự thực, nào ai biết rõ được nó ở bên nào. Ngay hai bên đánh nhau, cũng chưa chắc đã rõ hẳn đâu là sự thực.

Song có một sự thực mà ai nấy đều có thể biết chắc được, là việc Tàu Nhật ngày nay rút lại chỉ là một vấn-đề thực-dân.

CHUYỆN VÔ-LÝ

Mấy ông già trong xóm tôi cho việc thực-dân là lấy cường-quyền mà đè công-lý, lấy tàn-bạo mà thắng nhân-nghĩa. mấy ông không ngờ mà thành ra đồng-ý với Anatole France, cho « *thực-dân là một kiểu mới của dã-man* ». Mấy ông tuy không dám nói to, nhưng đều nghĩ thầm thế cả. Không biết rằng thực-dân, có nơi công-kích, mà cũng có kẻ hoan-nghênh. Giáo-chủ Mercier cho sự thực-dân là « *một hành-vi từ-thiện công-cộng* ». Vua nước Bỉ từng nhiều lần tuyên-ngôn : « *Thực-dân là nâng cao trình-độ trí-thức và sinh-hoạt của dân bản-xứ* ». Lại có những khối óc ưa thực-tiến, như ông Rondet-Saint, coi thực-dân chỉ là một việc buôn bán mà thôi.

Cái nghĩa thực-dân, coi vậy, đã là một nghĩa phức-tạp. Bao nhiêu thứ tình cảm, nào là tình vị-tha, nào là lòng trực-lợi, nào là bụng nhân-từ, đều đem ra mà bỏ nghĩa cho chữ thực-dân. Làm cho thường dân chúng mình không còn biết nên khen hay nên chê, nên yêu hay nên ghét.

Có điều ngày nay, cái phương-pháp thực-dân đã đổi hẳn rồi.

Thực-dân bây giờ không còn phải là việc ngẫu-nhiên mà gặp của nhà thám-hiểm hay của bậc giáo-sĩ nữa. Giáo-sĩ bằng mình đi ngàn dặm, là mang đạo đi

CHUYỆN VÔ-LÝ

truyền. Nhà thám-hiểm vượt trùng dương đến chỗ xa xôi, là để thỏa tấm lòng tìm-tòi mạo hiểm.

Đều là không có chí đi tranh quyền cướp đất của ai.

Rồi sau này, thắng hoặc có xảy ra một vụ tranh quyền cướp đất, thì đó lại là một sự ngẫu-nhiên của lịch-sử mà thôi vậy.

Nghĩa là thực-dân, lúc ban đầu, là bắt đầu bằng một việc thiện hay một cử-chỉ anh-hùng.

Bây giờ thì không thế nữa.

Thực-dân bây giờ là những tổ-chức, những chiến-lược của cả một nước gom nhau lại, để thi-hành một việc mà cả một nước đã quyết tâm làm.

Trong cuộc Ý-Á, cũng như trong cuộc Tàu-Nhật, đối chọi nhau là những gì? Là một dân tộc tiến-bộ về vật-chất, có tổ-chức hẳn-hoi, đem quân đi đánh một dân không có dự-định sẵn về sự xâm lược, không hề nghĩ đến xâm-lược, nên không xếp đặt trước được việc quân-nhu. Như thế, thực-dân hầu như là một sự đối-thì của hai giá-trị: giá-trị người ưa sống êm-đềm an-lạc, với giá-trị người ham sống có tổ-chức, có sức mạnh, có những sự đầy đủ về vật-chất.

CHUYỆN VÔ-LÝ

Nhật lấy Tàu, không có nghĩ gì đến chỗ hai nước đồng-văn, đồng-chủng, chỉ xướng lên một câu hỏi văn - tắt : Tàu có chánh - trị hoàn - thiện, kinh - tế khuếch-sung, và quân-binh đào-luyện hay không ? Nếu không thì Nhật phải lấy Tàu, vì Nhật hơn Tàu về mấy phương-diện ấy. Nhật một khi đã phải lấy Tàu, thì tất nhiên phải lấy cho được, dù có buộc lòng giở ra những thủ-đoạn ghê-tởm thì cũng là sự bất đắc dĩ, mà cũng chẳng cần phải cãi tội tàn-ác với ai !

Sự thực-dân là điều dĩ-nhiên quá đi rồi. Muốn chê-trách, cũng không trở lại được nữa. Duy ta chỉ nhận rằng nếu thực-dân quả là đem văn-minh khai hóa cho dã-man, thì sự bắt đầu đem súng-ống, dịch-lệ, hơi ngạt mà đánh bọn dã-man, thật không có tính cách văn-minh chút nào.

Có điều văn-minh càng tiến-bộ bao nhiêu, thì người đi thực-dân lại càng không cần dựa vào điều nhân-nghĩa hay hùng-dũng mà làm nữa. Người ta chém giết một cách nghiêm-nhiên, mặc ai tiểu-mạ, vì sự chém giết ấy, theo óc mới, là một điều công-bằng !

THANG-TRÍ-DUNG VÀ Y-XUYÊN-THẮNG

Sa-Đéc

Friday, June 17, 2016

Từ khi Mãn-Châu về tay người Nhật, một người Quảng-đông là Thang-trí-Dung rất lấy làm căm hờn : thấy cảnh nước nhà bị xâm-chiếm, Thang nổi lòng công phẫn, dẫu phải nuốt cái nhục bại-vong, vẫn không bỏ được bụng oán thù kẻ đã lấy sức mạnh mà ăn hiếp mình. Bởi vậy, Thang lặn-mò lên tỉnh Liêu-Ninh để tìm cách hành-thích những yếu-nhân nước Nhật.

Nhưng lên đến Liêu-Ninh, Thang lại thay ý-kiến. Thang thấy rằng người Nhật tuy có ra lòng tàn bạo, chẳng qua vì muốn sinh-tồn : lẽ đời mạnh được yếu thua vẫn trong đào-thải. Chứ người Nhật không có đê hèn như bọn Hán-gian, một hạng người vong-quốc mà đem thân làm tôi tớ kẻ-thù, liếm gậy cho họ để

CHUYỆN VÔ-LÝ

cầu phú-quý. Thang nhìn lữ rồi đục từ trong xương ra ấy, lấy làm nhục nhã vô cùng, muốn giết đi kỳ hết. Tìm hết kẻ này mưu khác, mãi đến tháng sáu vừa rồi mới gặp dịp vua Phổ-Nghi ngự đi hóng mát ở ngoài nội. Thang phục sẵn đề ném bom, không may bị quân Nhật bắt được, khép án tử-hình.

Sắp bị chém đầu, Thang được người cứu. Một người đội quân Ngự-lâm, Y-Xuyên-Thắng-Tam-Nam, người Nhật, thấy Thang có lòng nghĩa-hiệp, không nỡ giết, ngầm thả cho Thang trốn đi, và lấy một tên tù khác là Cao-hưng-Bảo thế vào.

Thang đi rồi, Cao-hưng-Bảo bị chém. Giữa pháp-trường, Y-Xuyên-Thắng-Tam-Nam cầm dao tự mổ bụng, vì cho là mình đã không làm tròn bổn-phận.

Có người nghe chuyện này, lấy làm ngạc-nhiên : sao ở thế-kỷ thứ hai-mươi này, lại còn có nhân-vật làm nên thủ-đoạn hiệp-khách như trong đời chiến-quốc ?

Thật ra thì trong câu chuyện, rút lại có hai người vô-lý, để cho người thứ ba riêng chịu thiệt thòi.

Người thứ ba này là Cao-hưng-Bảo, khi không mà bỗng làm ma không đầu.

CHUYỆN VÔ-LÝ

Còn người vô-lý thứ nhất, chính là Thang-trí-Dung. Gặp cơn nhà nước tan-tành, căm hờn làm gì cho thiệt thân? Nếu biết nhẫn-nhục, thì « *vừa run lập cập vừa hôn cái tay đã xích mình* » rồi nịnh một tí, hót một tí, làm hại đồng-bào một tí, lo gì mà chẳng được công-danh !

Nếu chẳng được ngồi ngai như Hoàng-đế Phổ-Nghi, chắc cũng được làm một chức gì cao sang có thể cầm roi mà bắt lũ dân đen gái rồn đưa tiền, thì uy-quyền đấy, rượu ngon đấy, gái đẹp đấy, chẳng đủ phong lưu trong một kiếp hay sao ?

Đến lượt Y-Xuyên-Thắng cũng là người vô-lý : biết người kia có lòng yêu nước thương nòi mà không chém đi, còn đem ra thả !

Lẽ ra biết thế thì đi báo ngay chính-phủ đề cho khâm-xét nhà cửa, tịch-biên sách vở, và bắt giam kẻ tình-nghi, mới là phải. Mà làm thế thì ở chức đội, khó gì không đặc-cách lên ngay lon quan ! Thả người ra rồi đi mổ bụng mình, *đời người thế ấy, thấy âu một người !*

Nhiều người ở nước ta nghe chuyện này chẳng khỏi rửa thầm : viên đội Y-Xuyên sao mà đại thế... Vì

CHUYỆN VÔ-LÝ

ở đây chỉ nghe biết được có người làm ra dăm ba câu thơ vớ-vẩn, rồi đi mật-báo, cũng đủ được mũ cao áo dài.

Nữa là viên đội Y-Xuyên lại tìm được một anh thích-khách...

ĐÁM CƯỚI QUỐC-SỰ

Mấy báo hàng ngày đã đăng việc ông Trần-gia-Sự lấy vợ.

Ông Trần-gia-Sự lấy vợ, là việc riêng của ông ta.

Đã là việc riêng thì công bố lên báo-chương là một điều trái lẽ. Nói vậy không phải là kêu mấy bạn đồng-nghệp đã làm một điều trái lẽ. Trái lại, tôi muốn nói ra thế để tỏ rằng mấy bạn đồng-nghệp đã làm một việc rất phải lẽ. Là vì nguyên rằng ông Trần-gia-Sự lấy vợ, không phải là việc riêng của ông ta.

Ông Trần-gia-Sự, người tỉnh Hà-Đông, sau khi vắng nhà mấy năm, lúc quay trở lại thì vợ đã bước đi bước nữa. Ông đem nỗi phùng không hiu-quạnh ngỏ

CHUYỆN VỐ-LÝ

cùng quan tổng-đốc, ngài khuyên nên tìm người vợ mới. Thật là một lời khuyên chí-lý.

Trong làng có cô Nôi được ông Sự đề ý đến. Hôm 11 tháng bảy, ông Sự dẫn cô Nôi lên dinh quan Tổng-đốc, quan Tổng-đốc đưa sang quan Sứ, quan Sứ trích quỹ cứu-tế ra ba mươi đồng đề hai vợ chồng ông Sự lấy vốn làm ăn. Liên đấy quan Tổng-đốc lại chọn ngày lành tháng tốt để cho cử-hành hôn-lễ, và theo lời mấy ông phóng-viên, « *quan Tổng-đốc thấy việc hay hay, lại cho chụp một tấm ảnh vợ chồng ông Sự để làm kỷ-niệm* ».

Coi vậy, cái việc hôn-nhân này quả cũng « hay hay ». Nó rõ-ràng không phải là việc riêng của ông Sự, vì nó khởi lên từ một quan Tổng-đốc, mà tán vào bởi tay một quan Sứ. Thế thì mấy báo hàng ngày đăng tin, trưng ảnh, là đúng lệ lắm rồi.

Nhưng tại sao, quan Tổng-đốc với quan Sứ lại biệt-đãi ông Trần-gia-Sự như thế ?

Ông Trần-gia-Sự chẳng qua cũng là một người bình-dân như mọi người bình-dân chúng ta vậy thôi, sao lại được nhà cai-trị chiều-nể như thế ?

Đến chỗ này tôi còn quên, chưa kể rằng ông Trần-gia-Sự, nguyên là chân lính pháo-thủ đã can vào vụ

CHUYỆN VÔ-LÝ

đánh thành Yên-Báy năm 1929, bị đày đi Côn-Lôn và Guyane, mới được ân-xá cho về nguyên-quán tháng vừa rồi.

Như vậy ta có thể luận rằng sở dĩ có cuộc hôn-nhân, lại có tiền cứu-tế, có chăng là vì ông Sự đã từng làm quốc-sự.

Nếu cứ lằng-lặng mà cấy lúa dệt áo cho đồng-bào, thì ai cũng như ai mà thôi ; ai cũng phải đóng thuế ; ai cũng phải nộp tiền hộ-tịch khi làm lễ hôn-nhân ; ai cũng phải « có tiền người gả con cho, không tiền thì hũy năm, co một mình » ; mà cái nông-nỗi năm co ấy, ngổ với hàng xóm cũng chẳng ai thương, chớ đừng nói là đem ngổ với một ông quan đầu tỉnh.

Nhưng ông Trần-gia-Sự đã làm quốc-sự.

Ông Trần-gia-Sự đã từng yêu tổ-quốc.

Ông Trần-gia-Sự đã linh-đỉnh góc bể chân trời vì tổ-quốc.

Ông Trần-gia-Sự đã bị vợ bỏ nửa, cũng vì tổ-quốc.

Nay là lúc nên bù-đắp nỗi thiệt-thòi cho ông.

Thì người vợ mới kia, với ba-mươi đồng nợ, tạ lòng dễ xứng hay sao ! Ông Trần-gia-Sự còn có quyền được nhà cai-trị đối-đãi hậu hơn thế nữa mới phải.

CHUYỆN VÔ-LÝ

Có người bảo : « *Tự cổ nhân-sinh, sinh hựu tử, tử ư quốc-sự tử do sinh* ». Lại có người nói : « *Chết cho tổ-quốc là một cái vinh-dự vô song* ».

Ngẫm ra tổ-quốc có thể coi như một cô tình-nhân thật rộng lượng và rất thủy chung. Cô được muôn vàn người yêu, mà ai yêu cô, cô cũng đáp lại thịnh-tình thật là chu đáo : chết vì cô thì cô cho vinh-dự ; mà dù không được chết vì cô nữa, cô cũng còn cho vì cô mà sống, sống cuộc đời no đủ...

BỆNH THIẾU TIỀN

Rồi thì hầu khắp thế giới sẽ có một bệnh ghê gớm, kinh khủng, một bệnh biến ra lắm chứng, xấu xa, khốc hại, nó khiến cho thiên-hạ phải ngạc nhiên... Mỗi khi tôi nghĩ đến, lại thấy rùng mình, vì bệnh ấy là bệnh truyền-nhiễm mà tôi gọi là : Bệnh thiếu tiền (1).

Ấy là lời của Pantagruel dự đoán từ bốn trăm năm về trước. Lời ấy đến ngày nay nghiệm ra không khác gì một lời sấm trạng. Bệnh thiếu tiền quả đã truyền từ thành-thị đến thôn-quê, từ nước này qua nước khác, làm cho thiên-hạ trước còn ngạc nhiên, sau thấy khốn khổ, nhục-nhấ, vì bệnh ấy là gốc của muôn nghìn nỗi thê-thảm ở đời.

(1) Rabelais : *Pantagrueline Prognostication*.

CHUYỆN VÔ-LÝ

Từ xang đến hèn, ai nấy đều vì bệnh thiếu tiền mà nhần nhó, đau đớn, có khi vượt qua cả lễ-giáo, cả danh-dự, cả luật-pháp, mà làm ra biết bao nhiêu tội ác xấu xa, cần dỡ.

Nhưng bệnh thiếu tiền cũng có chỗ khả thủ.

Vì nó là một bệnh.

Mà, theo Pline le Jeune, chỉ có bệnh, mới khiến cho người ta trở nên hoàn-toàn (2). « *Những người có bệnh không làm nô-lệ cho thị-dục, không ham danh, không chuộng lợi, không ghen tị gì với kẻ khác, và chỉ mong khi khỏi bệnh, được sống một cuộc đời êm đềm, thể là mẫn-nguyên* ».

Có lẽ đúng là như vậy : đương khi khỏe mạnh, thì no cơm ấm cật, giậm giật mọi nơi, lòng ham muốn theo với sức khỏe mà tăng tiến. Đến khi phải liệt giường liệt chiếu ai còn bụng nào mà suy hơn quản thiệt, thù-hằn giận-dữ với ai nữa làm gì.

Cho nên, chưa ắt đã là nguy biến mà bảo rằng chỉ lúc ốm, tâm trí mới ngay thẳng, sáng suốt, không bị lòng dục làm mờ.

Nay thử xem bệnh thiếu tiền, khi đã coi là một bệnh, có giúp được cho ta những gì ?

(2) Pline le Jeune : *Lettre à Maximus*.

Ta bỏ đi, không kể đến những nỗi đau buồn là cái khổ chung của mọi bệnh, không kể đến những tội ác mà vì mạng-lệnh của dạ dầy, nhiều người bị buộc phải làm. Ta phải nhận rằng bệnh thiếu tiền quả là có thể giúp cho xã-hội nhiều điều hay.

Nhiều điều nhỏ nhen, đê hèn, khi có tiền, ta thường làm. Khi có tiền, ta hay kiêu hãnh với kẻ nghèo, ta hay bị người khác bèn hơi đồng mà lừa dối. Thế lực đồng tiền dễ làm xiêu vẹo cái khí tiết của anh-hùng, dễ xui giục lòng gian-giảo, phản-bội, dễ khiến cho ái-tình và tình bè bạn mất vẻ thanh cao.

Khi ta có tiền, ta làm cho đạo-đức phải suy-vi, vì tiền của ta kéo lệch cán cân công-lý, thổi mờ lương-tâm, làm điên-đảo cái chân giá của sự vật.

Không có tiền nữa, sự vật sẽ trở lại cái giá-trị chân-chính mà tự nó có sẵn. Học trò thầy Trang mượn áo gấm của láng giềng để đi ăn cưới, khi trả áo gấm lại rồi, lại chỉ còn là một anh áo vải.

Không có tiền nữa, ta sẽ thấy rõ thế nào là cái giá con người ! Ta sẽ thấy cả thế nào là lòng yêu thủy chung, thế nào là người bạn trung thành, thế nào là bình-đẳng, thế nào là bác-ái...

Người đời không nghĩ thế, nên khi có tiền thì

than vãn không ngớt về những nỗi khổ do tiền gây ra, đến lúc thiếu tiền, lại nhăn nhó suýt-soa và mong ước sao cho sớm có tiền !

Ai hay rằng bệnh thiếu tiền còn giúp ta trở nên cao-thượng nữa : Bác thuyền chài kia ở vùng Nam-Định, bắt được quả tang vợ có ngoại tình, mà tha thứ cho cả gian-phu lẫn dâm-phụ : bác không có tiền đi kiện !

Ước sao khi trở lại cảnh nhiều tiền, ta giữ được những nết tốt khi thiếu tiền, cũng như khi trở lại mạnh khỏe, ta giữ được bụng vô cầu trong lúc yếu đau...

THẤT NGHIỆP

Người ta than-vãn, người ta lắc đầu, rầu rầu nét mặt, mà phàn-nàn cho số phận những người lao động với trí thức không may mà lâm vào thất nghiệp.

Nhất là cái hạng biết dăm ba chữ mà không kiếm được cơm ăn, người ta lại càng thương, vì tự xưa hạng biết chữ vẫn là con nuông của xã-hội. Ai đâu tưởng tượng được rằng lại có những người văn hay chữ tốt mà lại phải nhịn đói vì không tìm ra đất dùng tài.

Tuồng như đến bây giờ người ta mới biết có nạn thất nghiệp trong hàng trí thức vậy.

Nào hay nạn thất nghiệp vẫn đã có tự đời xưa đời xưa ! Xưa, người Chu-Tiêu hỏi thầy Mạnh :

— Người quân tử đời cổ có làm quan không ?

Thầy Mạnh đáp :

— Có truyện rằng : Khổng-Tử ba tháng không có vua nào dùng thì trong lòng thấy như thiếu thốn. Công-minh-Nghi nói : Người đời xưa hể ba tháng rồi mà chưa được vua dùng đến, thì bần bè tất đến hỏi thăm và chia buồn như nhà có tang vậy.

Coi vậy, bậc quân tử đời cổ, đã từng thất nghiệp nhiều rồi.

Chính ngay thầy Khổng cũng đã có phen bị thất nghiệp.

Mà đời xưa coi thất nghiệp còn khổ hơn bây giờ nữa kia : mới mất việc có ba tháng, đã đau đớn như gặp cơn gia biến.

Bây giờ thì chúng ta có khi thất nghiệp hàng năm, cũng chỉ là sự rất thường.

Thất nghiệp đời xưa khổ hơn đời nay, câu nói ấy là một lời an ủi. Thật ra ngày nay, thất nghiệp không ai buồn nói đến, cái khổ càng quạnh hiu mới lại càng ngấm ngấm. Không ai buồn hỏi đến, là bởi người ta không có thời giờ hỏi, ai nấy đều chúí mũi

CHUYỆN VÔ-LÝ

chúi tai đi kiểm miếng, còn lúc nào rồi mà nghĩ được đến cái khổ của người láng giềng.

Trong những lúc tiền không gạo hết, thầy Khổng có thể ngồi điếm nhiên mà gảy đàn, cũng như triết nhân Diogène ung dung ngồi trong vỏ thùng rượu. Ví ta ở vào ngày xưa, cuộc doanh sinh chưa phiền phức lắm, ta dầu không phải hạh hiên giả, nhưng trong lúc thất nghiệp ta cũng có đủ can đảm mà hé một nụ cười triết lý để khuây sầu. Nhưng, giả sử Khổng-Tử và Diogène sống vào đời này, nhà ở phải thuê, cơm ăn phải trả tiền, gặp lúc mất việc mà lại con lên mùa vợ đẻ, thì không biết Diogène với Khổng-Tử có còn cười triết lý được nữa không?

Hay cũng lại đến như chúng ta, nụ cười trốn dưới hàm râu, nhường chỗ cho một cái nhăn nhó rất tầm thường, nhưng rất đau đớn.

Ôi, thế giới càng tiến hóa thì cuộc đời càng nhọc nhằn biết bao nhiêu !

LỜI NGƯỜI BÁN CÁM

Xin bạn đọc nhận kỹ : đây là lời người bán cám, chẳng phải lời người bán cam. « *Lời người bán cam* » là một bài cổ-văn luận về sự giả-dối ở đời. « *Lời người bán cám* » sẽ không có tính-cách triết-lý như thế. Nó chỉ là một lời thiết-thực tả cái tình-cảnh thống-thiết của hạng người thiếu ăn.

Nhân khi ngồi trong một hàng bán cám tỉnh Nam, tôi thấy mấy người nhà quê đang cúi lom khom trên mấy nong cám, lấy tay vốc một nắm bỏ vào mồm nếm ra vẻ ngon lành lắm.

Nếm cám ? Mua về cho lợn ăn thì làm gì phải nếm, ngon lành gì mà nếm ?

CHUYỆN VÔ-LÝ

Người bán cám kể cho tôi hay rằng :

— Trong mấy năm nay, từ khi xảy ra nạn kinh-tế đến giờ, chúng tôi buôn cám thật chạy tay. Những người đến mua không phải mua về cho lợn, họ mua về để ăn. Gạo đắt quá, ngô khoai cũng đắt, nhiều người nhà quê đành ăn cám. Miễn là đầy bụng thì thôi. Mà ông lại nên biết rằng ăn cám cũng chia làm ba hạng người : một hạng kiếm được dăm ba xu một ngày, mua cám về nấu lên với rau mà ăn, như lợn ăn của lợn nhà giàu. Hạng nữa kiếm được một hai xu một ngày, chỉ chọn cám với nước lã rồi ăn như lợn ăn của lợn nhà nghèo. Còn hạng thứ ba là gồm những người như ông vừa thấy đó, nghĩa là những người không kiếm được xu nào cả, ngày hai buổi đi ngang qua quầy hàng cám, đứng lại mỗi nhà một lúc, mặc cả đôi câu, rồi vốc lấy ít cám bỏ vào miệng làm như thề để nếm. Cứ thế, đi vừa hết giấy là no.

Sa-Déc

Friday, June 17, 2016

Trong Tì-bà-ký đã có chuyện người con dâu ăn cám để nhường cơm cho mẹ chồng. Nhưng đó là chuyện chép lại, có khi tác-giả thêm đặt ra để gọi lòng thương của người đọc. Ai ngờ ngày nay, lại thật có hạng ăn không bằng lợn !

Người ta bảo đời nay là đời văn-minh vật-chất.

CHUYỆN VÔ-LÝ

Văn-minh vật-chất mà có người cơ cực về vật-chất hơn loài cầm thú, có lẽ nào vô-lý thế !

Hay là đời nay chính là đời văn-minh tinh-thần ; người ta chau-dối tinh-thần nhiều quá, học nhiều thứ cao-xa quá, biết nhiều ngón tinh khôn quá, thành ra không kể gì đến hình-hài... của những người vô-học ?

Ở thành Nam là nơi không lụt-lội, mà còn bao nhiêu người ăn cám, không biết ở nơi bèo trôi sóng vỗ, người ta được ăn những gì ?

Xét ra, người nhà-quê phần nhiều phải ăn cám, cũng là lẽ tất nhiên. Đi gặt hái xuất ngày chỉ kiếm được ba xu, khi không phải mùa gặt hái thì đi đánh giậm, một buổi khéo lắm được mười xóc cua, đem bán ba xu. Ba xu mà nuôi cha già con dại, ba xu mà gặp vợ đẻ con sài, ba xu mà lo đóng góp với làng, thật là ăn cám cũng không xong !

Nào có được đâu một « *số lương ít nhất* » như thợ thuyền. Nào có được như thợ-thuyền làm có giờ, chơi có buổi ! Lại cũng không hợp được đoàn-thể mà yêu cầu, không đình-công được mà phản-kháng.

Quan bắt đi đê thì phải bỏ hết mà ra đê, có « cộ » nào về kinh-lý lại phải dẫn tre hoặc vác cò đi hàng

CHUYỆN VÔ-LÝ

chục cây số đề bầy hương-án, kết cổng-chào, tỏ lòng khuất-phục. Bầy nhiều việc đều là không công.

Tám phần mười dân nước là bọn nhà-quê phải rầy-vò, đẩy-đọa như thế. Như thế, dù chánh-sách bình dân có nâng cao trình-độ sinh-hoạt của họ ít nhiều, thật chưa ai có thể tự hào rằng đã giúp được chút gì cho « quần-chúng lao khổ ».

Quần-chúng lao-khổ, là hết thấy bọn khố đen ăn cám.

NUÔI CON TRÊN CÂY

Các bạn đồng-nghiệp thông tin, tuần trước đã liên-tiếp đăng trên trang nhất, cả ảnh, câu chuyện một anh chàng ở vùng Nam-Định, đem con lên nuôi trên ngọn cây.

Anh chàng vì vợ đẻ nhiều lần mà không nuôi được, lần này làm căn nhà trên cây, đem đứa con nhỏ lên đây đề ngày đêm canh giữ, cho nó khỏi « *đi mất* » như mọi lần. Giá-xử ở bên Mỹ, người ta đã cho là anh chàng phòng ngừa cái nạn « gangster », ở bên này, người ta cho là anh chàng sợ cái nạn ma-quỉ.

Đừng tưởng anh chàng làm thế là việc riêng của anh chàng, chẳng bận gì tới ai. Hết thấy mọi người sẽ

CHUYỆN VÔ-LÝ

bàn ra tán vào, vì người ta cho đó là một việc khác thường. Người ta cười anh chàng là « dở hơi », là « đồng-bóng ».

Chỗ này ta phải nhận rằng cái cười thật có tính-cách xã-hội. Cái gì xã-hội không ai làm, mà có người làm, người ấy sẽ bị xã-hội cười ngay. Kiểu mũ hay kiểu giày, kiểu râu hay kiểu áo, nếu chưa hợp mốt, nghĩa là chưa có nhiều người theo, tất bị cười là « lạ » là « lỗi ».

Trong khi ai nấy đều nói kinh-tế, tiến-bộ, thì bác đồ ngồi rung đùi ngâm thơ, ắt là bị mọi người chê ngay là « hủ », là « dù ».

Ai ai cũng trọng quan hàn, quan cửu, ai ai cũng lấy làm vinh-dự được chơi với quan huyện, quan phủ, nếu có kẻ lại coi những quan ấy cũng như người thường, thì kẻ ấy tất là đũa gàn, quân buróng. Cũng như kẻ nào dám không cho những ông cử, ông tú đều là những tay hay chữ cả, ấy chỉ là kẻ « tự-đắc-xăng ».

Số đông không bao giờ chịu cho có kẻ đi ra ngoài lẽ thói chung !

Ai nấy đều phải nghĩ, phải làm y như mọi người.

Nếu có người nghĩ hay làm khác mọi người, người ta sẽ kêu là « phản đối », là « có dị-chí ».

CHUYỆN VỐ-LÝ

Không những người ta cười, cười là nông cuồng, người ta lại còn tìm hết phương-sách để ngăn cản cái ý muốn khác người ấy.

Tỉ như trong nhà lao ai cũng phải ăn cơm, thì nếu có kẻ nào bướng bỉnh không chịu ăn cơm, tất là làm một điều không ai tha-thứ được. Người ta sẽ khuyên nên ăn, khuyên không nghe, người ta sẽ đe ra mà nhét vào mồm, mồm không há, người ta chối chặt lại mà tiêm vào lổ sau.

Anh chàng kia muốn nuôi con trên ngọn cây ư? Không được. Giá anh ở một nơi hoang-đảo, thì người ta sẽ mặc cho anh làm, cũng như giá có cả làng cả quận nhin đói thì người ta cũng chối thây. Chết cái anh chàng lại ở chỗ đông người, mà làm chuyện không ai từng làm !

Thì vì nhân-đạo, người ta sẽ khuyên anh nên đem con xuống đất, khuyên không nghe thì sẽ dọa, dọa không sợ, sẽ cho anh uống thuốc ngủ, thuốc không xong sẽ thuê người lên cướp con, cướp không xong nữa, sẽ treo giải thưởng để tìm những tay võ-ngệ siêu quần đến làm cách nào kỳ cho anh phải xuống đất như người thường mới nghe.

Ở với xã-hội, đừng tưởng muốn làm gì cũng được, dù là làm một việc riêng của mình, chẳng dây-durong gì đến ai...

NGỰA NGƯỜI

Các báo gần đây đăng tin ông Pagès mủi lòng vì nhân-đạo, muốn rằng trong hạn mười năm sắp tới, có thể trừ bỏ cho hết mọi cái xe kéo trên đất Nam-Kỳ.

Đã hưởng-ứng với ông Thống-Đốc, biết bao là người có lòng nhân-đạo trong nước !

Ai nấy đều đồng-thanh ta-thán cho số-phận vất-vả của phu xe — mà nay người ta gọi một cách kính-cẩn là *xa-phu* ! — và đả-đảo cái nghề kéo xe « *người lại kéo người* » là một nghề thật có trạng-thái dã-man, không xứng chút nào với một nước đã được văn-minh bảo-hộ.

CHUYỆN VÔ-LÝ

Những người bi-quan thường bảo rằng ở đời này điều ác dễ lan mà điều thiện ít ai bắt chước. Coi số người tán đồng với cái tư-tưởng « *thiện* » của ông Pagès nổi ùn-ùn như nổi súp sữa đương sôi, mới rõ đạo-đức vẫn có nhiều tín-đồ, không đến nỗi phải đứng cô-đơn. Những tín-đồ này ai cũng hết lòng phàn-nàn cho nỗi khổ của phu xe, vì đều là những người biết rõ cái khổ ấy, nghĩa là những người xưa rày vẫn hằng bắt chân chữ ngũ ngồi trên xe kéo...

Nhưng mà phải nhận rằng người ta xưa nay có ai lại hoan-nghehnh một điều vô-nhân-đạo bao giờ ! Như vậy cái xe kéo ngày nay ta coi là vô-nhân-đạo, thử hỏi rằng khi mới nhập cảng, có ai cho là vô-nhân-đạo không ?

Chắc hẳn là không.

Vì khi mới nhập-cảng, người ta chỉ trông thấy cái tiện-lợi của nó.

Vả chẳng hầu Ôn-Như đã nói :

*Kìa điều-thú là loài vạn-vật,
Dẫu vô-tri cũng bắt đèo bông !*

Nếu hiểu hai chữ « đèo bông » theo nghĩa đen của

CHUYỆN VÔ-LÝ

nó là đa mang, thì dẫu điều-thú cũng còn phải « đèo bông » nữa là người ta ! Vậy thì người ta, kẻ mang được nhẹ, kẻ đeo được nặng, đều là tùy sức, mà cũng là làm việc cho đời !

Ở đời phải giúp nhau. Luân-lý nào cũng dạy thế. Nhà luân-lý Florian lại ngụ lời dạy ấy trong bài « *Người mù và người què* » : mù cống què, què soi sáng cho mù, hai người biết giúp nhau, nên cùng đi kiếm ăn được cả. Người phu xe há chẳng là làm như anh mù của Florian, trong khi bon-bon hai chân kéo lữ ngồi trên xe là người chẳng què cũng gọi rằng què ? Vậy phu xe có thể tự-hào là đã làm một việc rất nhân-đạo. Mà người ngồi xe, bảo đường phải trái cho phu biết lối đi, cũng là làm một việc nhân-đạo.

Đằng nào cũng có lý cả.

Ai bảo kéo xe là một nghề vô-nhân-đạo ?

Nếu người kéo người là vô-nhân-đạo thì người hầu người, sao gọi là nhân-đạo được ? Thì nghề thợ giặt, nghề vệ-sinh, nghề đi ở, và tất cả mọi nghề khác là vô-nhân-đạo hết, có họa chỉ trừ nghề thầy cúng là không, vì thầy có hầu là chỉ hầu bóng... thánh !

Vô-nhân-đạo, có chẳng chỉ là những kẻ mở mồm

CHUYỆN VÔ-LÝ

nói nhân-đạo mà khi không lại đi giết người lấy của, vô-nhân-đạo cũng là những kẻ khi không giam hãm người, đánh đập người, đổ nước mắm hoặc đốt nến vào mũi người... (1).

(1) Một cách tra-tấn của sở Mật-thám hồi đó.

ĂN CHO ĐỀU

Mỗi khi gặp điều lợi, ai cũng nghĩ vơ-vét lấy cho mình, nào ai đoái-hoài đến kẻ khác ! Nhưng lúc xảy đến một sự không may, phải kêu gào chua-xót, thì giống ích-kỷ lại muốn ai nấy cũng cùng mình « kêu cho sòng ». Đến lúc muốn cùng kêu cho sòng, người ta nghĩ ra, mới gật đầu thuận cho tất cả mọi người : lúc ăn phải đều...

Bấy giờ, ôm một lòng trắc-ân thiết-tha, người ta mới khuyên nhau :

Thóc bồ thương kẻ ăn đong

Có chồng thương kẻ nằm không một mình !

Thương nhau tha-thiết như thế, chỉ là thương

CHUYỆN VÔ-LÝ

bằng lời nói, thương bằng ba tấc lưỡi mà thôi : thiếu-phụ đương đắp chặn bông, vẫn chẳng bao giờ chịu chia lấy một phần cho kẻ lạnh-lùng, bậc phú-hào cũng chẳng ai dại gì đem thóc bồ phát cho kẻ ăn đong. Trước khi thương người, phải thương mình đã !

Trong xã-hội, cho nên, hiện ra nhiều điều chênh-lệch, thế quân-bình là cái thăng-bằng mà xã-hội từ xưa tìm mãi chẳng ra...

φ

Trong cuốn « Kế-hoạch Pháp », của mấy yếu-nhân đảng Xã-hội nước Pháp viết ra, ta đọc thấy mấy dòng này :

« Trong khi hàng xâu người bóng-dáng tiêu-tuy, quần áo lam-lũ, nối gót nhau xin cơm phát-chăn, hoặc xin chỗ ngủ trong phúc-đường, trong khi ở châu Âu già trẻ không đủ ấm no, thì ở thế-giới, người ta thừa dùng phải đồ đi 90 vạn toa lúa mì, 15 vạn toa gạo ; bên Hoa-Kỳ phải vất đi 20 triệu tấn đồ hộp, giết bỏ 6 triệu lợn, 60 vạn bò ; bên Nam-Mỹ, phải giết bỏ 55 vạn cừu, đổ ra biển 32 triệu bì cà-phê ; ở Canada phải đốt bớt không biết bao nhiêu bông ; ở Cuba, phải

CHUYỆN VÔ-LÝ

vứt đi 33 triệu tấn mía... Nhiều nước lại treo giải thưởng về việc phá-hủy ấy nữa».

Khi xưa, đường giao-thông chưa được nhanh-chóng và dễ-dàng, thì ngay trong một nước, hai tỉnh giáp-giới, tỉnh được mùa có khi phải bó tay, không có cách cứu được tỉnh mất mùa. Bây giờ, đường thủy, đường bộ đều có lối đi rất tiện, thời-gian và không-gian đã bị người ta thu rút lại rồi, vậy mà trong thế-giới vẫn có nơi thừa nơi thiếu, kẻ ăn chẳng hết, người lẫn không ra. Ta phải nhận với những tác-giả cuốn « Kế-hoạch Pháp » rằng người đời nay có nhiều lý-trí, nhiều trí-thức, đã lấy khoa-học trả lời được nhiều câu hỏi khó-khăn bí-hiềm, tuy vậy vẫn còn băn-khoăn chưa giải đáp được một câu hỏi ngớ-ngẩn mà bi-đát như câu này :

— Làm cách nào dùng được hết những của ta làm ra ?

Vì điều cần-thiết bây giờ không phải là sinh-sản mà chính là tiêu-thụ thế nào cho đều. Sức sinh-sản đã nhờ sự tiến-bộ mà tăng lên gấp bội, phải tìm cách nào cho mọi người cùng được hưởng cái kết-quả sung-sướng của sự tiến-bộ ấy, cùng được tiêu-thụ đều nhau những miếng ngon vật lạ mà văn-minh tự-hào rằng đã sản-xuất ra rất nhiều ?

CHUYÊN VÔ-LÝ

Làm thế nào cho của-cải trong thế-giới khỏi gặp cái hiểm-trọng nói trong cuốn sách trên kia ?

Ấy là một vấn-đề kinh-tế rất quan-trọng, và cần phải tìm phương giải-quyết.

Đời xưa, trị dân chỉ cốt cho dân sung-sướng, nghĩa là dân đâu đấy đều an-cư lạc-nghệp ; trong xã-hội không có trai không vợ, gái không chồng, không có vợ góa, con cô, cầu-bơ cầu-bắt... Ngày nay, nhà cai-trị còn phải lưu-tâm đến phương-diện kinh-tế là phương-diện tối khẩn-yếu trong đời mới.

Khẩu-hiệu của nhà lãnh-tụ phái Bảo-hoàng, Ch. Maurras, là « Chính-trị đã ». Khẩu-hiệu của đời mới có chăng nên đổi lại là :

— Kinh-tế đã !

TRỜI RA TAI LÀ TRỜI SINH PHÚC

Thảm-họa đã gieo đến lần này là biết mấy mươi lần ! Năm sáu tỉnh đương phải điêu-đứng vì nạn nước, muôn dân đang ở vào cảnh cát lấp sóng vùi. Ruộng ngập hàng mấy trăm vạn mẫu ; nhà cửa, trâu bò, thóc lúa, ủa trôi theo ngọn sóng tàn-bạo, để lại một đoàn nheo-nhóc, cơm không có ăn, áo không có mặc, đất không có ở.

Lúc này là diễn lại cái buổi :

Bát gạo Đồng-nai câu chuyện cũ

Con thuyền Quý-tị nhớ năm xưa.

Nhưng còn ai rồi đâu mà ngâm nga được với Tú-Xương !

CHUYỆN VÔ-LÝ

Ai nầy còn đang tấp nập, kẻ lo giữ đê cho vững, người lo lập ra các cơ-quan cứu-tế tạm thời, và trù-liệu lấy cách cứu-tế lâu-dài, để giữ cho tai-nạn khỏi tràn-lan, lại dùm cho những đồng-bào không may, được đỡ-dần đôi chút trong cơn đau-đớn.

Có người bảo rằng trời ra tai, ấy là để trừng phạt những kẻ có trách-nhiệm chặn dân mà không biết chặn cho chu đáo. Nếu quả thiên-tai chỉ là một cơn giận dữ của Ngọc-Hoàng, thì Thượng-Đế đã ra tai cho gần khắp toàn-cầu rồi — nước nào không có lụt-lội thì lại mắc vào cái hại chiến-tranh — ấy dễ thường vì Thượng-Đế thấy không có nước nào trên địa-cầu được cai-trị một cách chu đáo cả... Có lẽ đâu lại vô-lý thế!

Riêng về dân ta, thật đã đắng-cay vì nước.

Từ trước đến nay, dân này đã vì nước mà trải bao nhiêu gian nguy, biết bao lần sảy đàn tan ghé!

Nhưng lẽ trời vẫn có thừa trù.

Đã có những người phải khốn-khổ vì nước, thì cũng lại có những người sung-sướng vì nước. Ai kia vì nước mà lệnh-đênh, thì sẽ có những người nhân nổi lệnh-đênh ấy mà tạo nên cái sung-sướng của mình.

Người lệnh-đênh chịu rách-rưới cơ-cực bao nhiêu,

thì người biết lui vào trong cạn lại thêm no ấm yên-
vắng bấy nhiêu.

Mỗi vụ vỡ đê đem theo một vụ mất mùa. Không
những mấy nhà thầu-khoán được lợi, nhiều nhà buôn-
bán cũng nhân cái nạn đói kém mà tăng giá vật-liệu,
kiếm tiền như rác.

Dân bị vỡ đê cũng như bị cướp bóc, bị dịch tả,
tai-nạn càng to, bậc quan phụ-mẫu càng dễ được đặc-
cách thăng-thưởng. Vì chỉ những lúc nguy cấp như thế,
mới hay cái đức mẫn-cán của các ngài. Các ngài vì
mẫn-cán mà được thăng-thưởng đặc-cách thì phải rồi,
nhưng tôi biết có ngài lại nhân lúc này mà thu được
nhiều tiền lễ hơn lúc thường nữa. Tôi biết có viên
quan ở vùng xuôi chỉ bắt người ra hộ đê, ai không
ra thì giam, ai có một *nguyên* thì miễn, mà số bổng
nghe cũng kha-khá.

Cho hay có thử lửa mới biết lòng vàng, mà trời
ra tai cho người này, lại là sinh phúc cho kẻ khác.

Dân đen có đói rách, mưa chóe phàn-nàn. Nỗi đói
rách của mình đã tạo nên phú-quý cho biết bao nhiêu
người rồi, thì cũng nên vui lòng mà tự nhủ rằng cái
bồn-phận dân đen là phải hiểu : *hi-sinh là nghĩa lớn !*

TẶNG LƯƠNG, NÊN TẶNG LƯƠNG

Những « *thiên-hình vạn trạng của nạn hồi-lộ* » vừa hiện ra trên báo này (1) thì ông chủ-nhiệm, một buổi sáng, nhận được hai lá thư của hai quan phủ, hai lá thư lời-lẽ thật vắn tắt, cộc-lốc, nhưng bên trong như có chứa đựng cả một lòng giận-dữ nói chẳng ra lời :

« Từ số sau, xin ngài đừng gửi báo cho tôi nữa ».

Ghê gớm thay !

Một là hai quan thấy vẽ rõ những mảnh khoé thường dùng ở nơi cổng phủ, sợ có thiệt hại cho nghề, nên ghét mà thôi mua báo.

(1) *Đông-Dương tạp chí.*

CHUYỆN VÔ-LÝ

Một nữa là hai quan cho sự điều-tra còn lỗ-mổ, chưa bày-tỏ rõ hết cả thiên-hình vạn-trạng, những sự nói ra trên báo không bằng một phần những sự làm ở cửa công, nên chê mà chẳng muốn xem.

Lại một nữa là hai quan thấy l nói tới những việc mình làm thì hình như nghe có người nhắc đến lỗi mình, nên bực mình mà chẳng ưa cho tờ báo lại hiện ra mỗi tuần ở trước mắt.

Dù sao báo đã mất hai người đọc, chỉ vì chuyện với quan, lại đi ôm-ở nói những *chè đen, lễ mừng, lễ trình, tiền hồ-cháo* !

Mất hai người đọc, cũng là một điều mừng... cho nhà báo, vì sự *mất* ấy là chứng có một sự *được* khác : được ở trên miếng đất bài gian, trừ hại.

Song le, vạch ra thiên-hình vạn-trạng của nạn hối-lộ, không phải là cách trừ tiết được nạn ấy, chỉ là để cho ta biết rõ chứng bệnh mà thôi. Biết rõ rồi, ta chỉ xem qua lời thỉnh cầu của các quan thì sẽ thấy ngay phương thuốc. Thuốc tự bệnh nhân tìm lấy, ắt là trúng bệnh và có công hiệu hơn của người ngoài cắt cho.

Phương thuốc ấy là gì ?

Là tăng lương cho các quan.

CHUYỆN VÔ-LÝ

Tăng-lương cho các quan, cho các quan đủ xài, các quan sẽ không cần gì « bóp nặn chấm mút » thật là một phép trừ hồi-lộ rất dân-dị và hiệu-quả. Bài tính dễ thế mà chẳng ai giải ra... cho các quan ! Cái trứng của lão Colomb, vẫn ít người nghĩ đến.

Vả chẳng thầy Mặc, trong thiên Thượng-hiền, có nói :

« Có ba điều gốc trong đạo trị-dân : chức cho cao, lộc cho hậu, lệnh cho nghiêm. Chức không cao, dân không kính ; lộc không hậu, dân không tin ; lệnh không nghiêm, dân không sợ. Cho nên bậc thánh-vương xưa nâng cao chức-tước, trả lương hậu, giữ lệnh nghiêm. Ngày nay thì bậc vương-công muốn tỏ bụng chuộng hiên mà dùng người tốt ra trị dân, chỉ đặt lên chức cao mà không tăng lương theo. Dân thấy lương không xứng chức, không tin mà nói : « Đây là nhà vua không thực lòng yêu ta, giả dối để lừa ta... ».

Bây giờ, nhà nước có bụng chuộng hiên hay chẳng ? Thì hãy theo lời Mặc-tử mà thăng chức cho các quan, lại tăng lương cho thật đầy đủ nữa. Nhân-dân thấy chức cao, tiền nhiều, sẽ tin quan là người minh-mẫn, liêm-khiết. Nếu cứ đề chức hèn lương ít, dân sẽ tưởng quan không phải là người hiên, nên cứ phải đem tiền đến để cho quan có đủ cách sống mà trở nên liêm-

CHUYỆN VÔ-LÝ

kiết, và phải làm giấy ái-mộ quan luôn-luôn, để quan được thưởng mà thành ra minh-mẫn...

Người hiền ngày xưa, với người hiền ngày nay, vẫn cùng chung tâm-lý : chức có cao, mà tiền không đủ thì không ai hiền được. Các quan hiền thế nên mong được tăng lương. Dân cũng biết thế nên không phản-kháng sự tăng lương ấy. Nhưng nhân-dân xin tăng lương cho các quan, lại còn mong ở các quan hơn nhà nước một điều : mong các ngài khâu đấy cho túi tham !

Sa-Đéc

Friday, June 17, 2016

XIN VÀO TÙ

Chỉ có những người cần xin giấy « tư-pháp lý-lịch » thì mới sợ ở tù. Chỉ có những người quen giường cao chiếu sạch, mặc ấm ăn ngon, mới cho ở tù là một sự khổ.

Còn nhiều người lại thích ở tù, và lại còn cho ở tù là một điều sung-sướng nữa là khác.

Ai cũng bảo rằng ăn cơm cá mắm, nằm sà-lim mỗi cho muối rệp, suốt ngày bó cẳng không được đi đâu, hoặc lại phải làm việc nặng nhọc bần-thủ vô-cùng, thì còn sung-sướng nỗi gì.

Song-le, sung-sướng vẫn chỉ là một quan-niệm tương-đối, cái ta cho là khổ, người khác có thể coi là sướng được.

CHUYỆN VÔ-LÝ

Ở tù là khổ ư ?

Sao cứ mỗi khi gần đến Tết, sở nhà tù lại phải ghi thêm rất nhiều tên, những tên không mới lạ gì cho lắm ; tên những kẻ tái-phạm chỉ có tội giạt bút máy hay móc túi, cốt để được vào tù ăn tết cho sướng thân. Nhân-viên nhà tù nào cũng thường gặp thấy một hạng phạm-nhân cứ mỗi năm như chọn ngày cùng vào nghỉ chơi ít lâu trong nhà đá, như lối bọn phong-lưu chọn mùa hè đi nghỉ mát vậy.

Vừa đây ở vùng Lục-ngạn, lại có nhiều người đem đồ nấu rượu lậu ra nấu cháo để giả làm nấu rượu, rồi cho người đi báo phà Đoan đến bắt. Họ làm thế để làm gì ?

Để được vào tù.

Vậy ở tù đối với những người này chẳng là một sự sung sướng phải cầu mới có đấy sao !

Thì đã bảo sung-sướng là một quan-niệm tương đối.

Ăn cơm với cá mắm tuy khổ, nhưng còn hơn không có gì bỏ vào bụng, phải đào rễ cây hay bắt chuột mà ăn.

CHUYỆN VÔ-LÝ

Nằm sà-lim tuy khổ, nhưng còn hơn nằm giữa cánh đồng, gió lạnh như cắt thịt.

Xuất ngày bó cẳng tuy khổ, còn hơn chạy rong mà chẳng kiếm ra cơm.

Làm cỏ-vê tuy khổ, còn hơn tìm việc quanh năm không được, thất-thầu tối ngày.

Thế thì đời tù khổ với ai kia, chứ với bọn người này, lại là một đời lý-tưởng, ước-ao thường khi không được.

Ngẫm ra, ở tù có khổ chỉ khổ trong tinh thần, khổ vì mất tự-do, nhưng trái lại, lại được đầy-đủ về vật-chất, dù là đầy-đủ một cách rất soàng-sinh mặc lòng.

Những kẻ ham tự-do, có tự-do, muốn giữ tự-do, phải lấy tài trí mà chiến đấu hằng ngày mới mong được đầy-đủ về vật-chất ; sự đầy-đủ này vẫn không lấy gì làm vững-chãi, vì nó còn tùy ở cuộc chiến-đấu có lúc được lúc thua.

Còn ai không kham được chiến-đấu, không có gan chiến-đấu, muốn yên thân một cách chắc-chắn chỉ có việc đem chút tự-do kia mà đổi lấy cái tương-lai có bảo-hiêm sẵn rồi.

CHUYỆN VÔ-LÝ

Đời tuy thiếu tự-do, nhưng không lo về vật-chất, ấy là đời trong nhà tù.

Ấy cũng là đời của nhiều người đi làm, có ít đồng lương tháng, có quyền sở *lo-tết* ; ấy cũng lại là đời những cô gái cầm giấy, chỉ phải bó buộc về phương-diện tiếp khách — *ai cho kén chọn vàng thau tại mình !* — còn ngoài ra cơm ăn áo mặc, phấn trướng ngỗng, son giấy hương, chẳng phải lo gì...

MỘT CHÁNH SÁCH NHÂN ĐẠO

Nhiều người sẽ cho tôi là « khen phò-mã tốt áo ». Mặc lòng, tôi cứ cao tiếng mà khen ông đốc-lý Hanoi (1) là người thật có lòng nhân-đạo.

Tôi rất tiếc rằng không ca-tụng ông quan nhân-đạo ấy bằng những lời nhiệt liệt hơn nữa, nhưng tôi tưởng ở buổi đời này là buổi đời mạnh đề yếu, lớn nuốt bé, buổi đời mà lẽ phải ở bên chó sói chứ không ở bên con chiên non, hai chữ « nhân đạo » há chẳng là một lời khen tốt-đẹp lắm rồi sao !

Được một người có lòng nhân-đạo, làm nên một việc nhân-đạo, không phải là sự thường thấy hằng ngày.

(1) Hồi ấy là ông Virgitti.

CHUYỆN VÔ-LÝ

Cho nên tôi hết sức phản-đối mấy ông hội-viên ta trong hội-đồng thành-phố Hanoi, đã bỏ hội-đồng mà ra về : người ta trách các ông xử-sự một cách « thắng-thốt, hấp-tấp », thật không phải là quá đáng. Các ông đừng đừng đứng dậy làm « reo », quả là các ông đã không suy-nghĩ chín.

Một việc làm nhân-đạo, do một chánh-sách nhân-đạo, một chánh-sách nhân-đạo do một tấm lòng nhân-đạo (thật là đúng lý), các ông sao mà *cạn lòng chẳng biết ý sâu !*

Thì ông Đốc-ly đã vạch cho các ông rõ đây : tấm lòng nhân-đạo khi nào đã muốn phát-biểu ra thì không ai cản được, cho nên ông về thì mặc ông về, ông Đốc-ly vẫn cứ nghiêm-nhiên ngồi lại mà thi-hành cho trót cái việc nhân-đạo của ông ta.

Nhân-đạo bao giờ chẳng thắng !

Cái việc nhân-đạo của ông Đốc-ly là gì ?

Là bỏ ra thuế cư-trú, thuế nước.

Ai cũng đã rõ rằng ông Đốc-ly thương dân Annam vô cùng. Mỗi khi muốn đuổi những đám tụ-họp không có phép, ông ấy cho vòi rồng tưới nước, chứ không dùng súng bắn, như ở bên Pháp. Ông ấy lại săn-sóc

CHUYỆN VÔ-LÝ

đến giống nòi ta nữa, nên đã đề ra bao nhiêu tâm-tư nghiên-cứu về vấn-đề mại-dâm.

Nay vì thấy dân Hà-thành chen-chúc nhau đông quá, mà trong số đông ấy lại có rất nhiều người không có công ăn việc làm, chơi bời lêu-lững, nên ông ấy nghĩ ra đặt ra thuế nước và thuế cư-trú. Thật là một cái sáng-kiến của khối óc phi-thường. Phải rồi, những người cư-dân thường trong tám hộ kia làm gì có đất, làm gì có nước ? Không có thì phải thuê, vậy trả thuế nước, thuế cư-trú là một điều nhằm lý.

Muốn trả thuế nước, thuế cư-trú, phải có tiền ; muốn có tiền, phải đi kiếm ; muốn kiếm tiền, phải đi làm. Thế là đánh thuế, chủ-ý đề cho dân chăm làm-lụng. Chăm làm-lụng chẳng hơn là chơi-bời lêu-lững ư ? Chơi-bời lêu-lững, luật-pháp bắt tù, ông Đốc-lý đánh thuế lại gở cả cho dân nạn tù. Sâu-sắc thay !

Huống chi tiền thuế kia thu vào, có phải là để ông tiêu riêng đâu ! Ông sẽ bỏ ra để xây má, để sửa vườn-hoa, toàn là những việc bày ra cho dân làm cả.

Dân đã có việc làm, là thành dân « làm ăn tử-tế » không phải hạng vong gia thất thổ nữa. Như thế, thuần-phong mỹ-tục của Hà-thành sẽ có tiếng thơm xa nức. Việc của ông Đốc-lý thật là hoàn-toàn về đủ mọi phương diện : chánh-trị, kinh-tế, xã-hội, luân-lý...

Nếu các ông hội-viên ta đừng « thẳng-thốt hấp-tấp » quá, nếu các ông chịu xuy-xét cho kỹ-càng, tôi chắc các ông sẽ cảm tấm lòng nhân-đạo của ông Đốc-lý, mà không những không làm « reo », lại còn xin đúc tượng đề kỷ-công vị quan cai-trị nhân-đạo ấy nữa.

Tượng tất nhiên sẽ đặt ở chợ Đồng-xuân hay ở Máy-nước, là những chỗ đã được vị quan ấy săn-sóc đến luôn luôn...

MỘT HẠNG ÂN-NHÂN

Một bạn đồng-nghiep, mới rồi, đã chịu khó mầy-mò đi khám một « vết thương chảy mủ » của Hà-nội, một cảnh Hà-thành khốn-nạn ở ngay bên cạnh Hà-thành hoa-lệ : cảnh dân bãi cát ở ngoài sông.

Giữa lúc người ta cãi nhau về những điều tử-mủn, về những chuyện không đâu, bạn đồng-nghiep thật đã làm nên việc ích, vì đã bày cho độc-giả một thực-trạng thảm-khốc, ghê-tởm, não-nùng, nó lôi ta lại nơi thực-tế tàn-bạo, không để cho đi theo mãi vào những cuộc cãi lộn hão-huỳnh.

Bạn đồng-nghiep đã chép lại những gì ? Lời văn của đồng-nghiep dẫu rườm-rà, nhưng sự thực vẫn cảm người một cách sâu-xa.

CHUYỆN VÔ-LÝ

Này là những túp nhà tranh lụp xụp, ẩm-thấp, tối tăm, hôi hám ; này là một bọn người chen-chúc, nhế-nhại, lam-lũ, lăm-than ; một nhân-loại thảm-thương vì nghèo đói, một xã-hội mà trai ăn trộm, gái làm đĩ, ở liền với vợ hiền con thảo, một khoảng đất chứa-chất những sự nhẩn-nhục rất can-đảm, kề bên những tật xấu rất tồi-tệ, tóm lại một hiện-tượng sự túng-thiếu và sự khốn-khổ của một đám đông người.

Chà-chộn vào trong đám đông này, ta lại thấy bóng mấy nhà giàu sang ở bên Hà-thành hoa-lệ.

Họ sang đây làm gì ?

Thưa rằng họ đuổi theo lũ nghèo đói sang đến tận đây, để đứng ra thuê đất của thành-phố rồi cho lũ nghèo thuê lại, lấy lời...

Có người hỏi : thiếu gì cách kiếm tiền, sao họ không từ nhem-nhuốc soay nghề khác ? Thì cái nghề chó cắn áo rách là lẽ thường xưa nay. Vả chẳng, xét theo luân-lý của họ, bọn họ chẳng hề làm hại ai một mảy lông nheo.

Họ lại còn làm ơn cho đám dân nghèo là khác.

Là vì họ trả tiền cho thành-phố để thuê đất, thì họ lại cho thuê lại đất mà lấy tiền. Họ làm cho bên

CHUYỆN VÔ-LÝ

nào cũng hài lòng mà trong nước được lợi. Bên thành-phố có món thu biên vào công-quỹ, bọn dân bãi cũng yên chỗ làm ăn. Có an-cư mới lạc-nghiệp, lạc-nghiệp thì mới được thái-bình.

Hễ để cho ngồi rồi, hay sinh ra làm bậy. Nay buộc dân bãi phải trả tiền thuê đất, tất người ta phải kiếm cách đi làm việc để kiếm ra tiền ; tiền thuê đất càng cao, càng phải làm nhiều, làm nhiều tức là mưu được nhiều sự ích chung.

Tiền thuê đất chẳng qua cũng như tiền thuế ; nhà nước đánh thuế, là cốt để cho dân chăm làm.

Vậy thì người thuê đất thành-phố để đứng ra cho bọn nghèo thuê lại, là làm một việc công-ích. Việc công-ích ấy rất đáng khen, vì thuê của một nơi mà cho thuê lại cho nhiều người, ấy là giúp cho nhiều người đi làm việc. Mà lại còn bồi đắp cả cho đạo-đức nữa : cho thuê đất, ấy là giúp cho người ta có nhà có cửa hẳn hoi, thành ra người làm ăn lương-thiện, hết là phường mèò mả gà đồng.

Tạo ra người lương-thiện, lại làm giàu cho quốc-gia công-ơn của họ chẳng ngang hàng với công-ơn của thánh-hiền và công-ơn những bậc anh-hùng gộp lại đây ư ?

CHUYỆN VÔ-LÝ

Vậy mà trách họ bóc-lột dân nghèo, mắng họ là chó cắn áo rách, há chẳng là một chuyện vô-lý, thái vô-lý, thậm vô-lý...

CÓ GÌ KHÔNG ?

Sa-Déc

Friday, June 17, 2016

Thấy ai cầm tờ báo hàng ngày, mà mình chưa đọc, ta thường hỏi :

— Báo hôm nay có gì không ?

Câu hỏi tự-nhiên, vì nó do tính tò-mò mà ra. Mỗi ngày, ta muốn biết trong hai mươi bốn giờ vừa qua, trên trái đất ta ở, có xảy ra sự gì đáng vui, đáng buồn, đáng khen hay đáng ngán, để nhân đây tìm lấy những cảm-giác mình thấy như đương cần để đem trang-hoàng cái trống-rỗng trong thâm-tâm.

Người đời nay không biết sống với mình và cho mình nữa : vui buồn, ta không biết tìm ở tâm-hồn ta nữa, phải kiếm ở ngoài. Mỗi khi không may ở vào chốn

cô-tịch, không may phải đối-diện với mình, ta sẽ thấy cuộc đời tẻ nhạt, ta lại phải chạy đi tìm cuộc rượu, canh bài, tìm những nơi hội-hè đình-đám, cùng lắm, là tìm đến tờ báo xem tin.

Hình như tôi vừa mới nói lại một tư-tưởng của Pascal về thú tiêu-khiến thì phải...

— Báo hôm nay có gì không ?

Người đọc báo thường vớt tờ báo xuống bàn mà trả lời một câu chán-nản :

— Chẳng có « quái » gì cả !

Chẳng có « quái » gì cả, nghĩa là chẳng có vụ án-mạng nào ghê-gớm, chẳng có chuyện ngoại-tình nào éo-le, chẳng có cuộc chiến-tranh nào dữ-dội... Tờ báo có chăng chỉ đăng vài cột về thăng-thưởng, về việc nghĩa, về con đường mới khánh-thành, về một công-cuộc mở-mang trong khoa-học hay kỹ-nghệ.

Vì chúng ta vốn vẫn ưa tìm cái dở hơn cái hay, nên những việc hay ta không hay để ý đến, ta chỉ ham săn-đón, lục-soát những việc dở, hình như chỉ để xem cái dơ-dáy của xã-hội đã đến bậc nào. Khác nào người nếm món ăn, càng cay càng muốn nếm, nếm đến chảy nước mắt ; của ngọt nào có ai ưa thử đến hai lần !

CHUYỆN VÔ-LÝ

Cho nên cột thăng-thưởng ta không màng tới, vụ sát-nhân thì ta đọc thấy hồi-hộp, vụ loạn-luân ta đọc thấy tức-giận căm-hờn. Mà cũng bởi những cảm-giác của ta dễ hóa trở nên tầm-thường, chỉ một lần trải qua là đã thành ra quen-thuộc cũ kỹ rồi nên mỗi ngày những sự xảy ra ta muốn nó càng phải ghê-gớm hơn, khác thường thêm mãi, để kích-thích cho ta xem đến, vì ngày nào ta cũng đi tìm những cảm-giác thật mới thật lạ thì mới thấy có thú-vị, có náo-nức trong lòng... Những nhà viết báo hàng ngày phải khổ tâm chỉ vì cái thị-hiểu ấy của độc-giả...

Vì cảm-giác của độc-giả dễ hóa thành tầm-thường, như *lời mòn cỏ nhạt màu sương*, nên ta có thể xét xem một việc xảy ra có làm sôi-nổi dư-luận hay không, mà biết được rằng việc ấy là việc thường xảy trong xã-hội hay là việc từ xưa mới có.

Báo đăng một chuyện đấu độc vì tình, hay một chuyện dâm bộc. Độc-giả bàn ra tán vào, kẻ này kể lại cho người kia, ai cũng tò-mò muốn rõ đầu-đuôi. Ta có thể luận rằng ngoại-tình là việc ít có, mà trong xã-hội vẫn còn nhiều ông chồng ngoan, nhiều bà vợ hiền...

Những chuyện sát-nhân độc-ác, còn khiến được ta hồi-hộp lo-toan, đủ thấy rằng xã-hội chỉ có vài tên gian-

CHUYỆN VÔ-LÝ

ác có thủ-đoạn đáng kinh, còn phần đông vẫn là những người lương-thiện, biết sợ địa ngục, yêu thiên-đường.

Cách mười năm đây, nạn ô-tô hay xe hỏa, người ta còn nói đến. Ngày nay những nạn ấy xảy ra nhiều quá, báo chương chỉ ghi lại có vài dòng, cũng chẳng ai buồn xem.

Lúc mới có một cô thiếu-nữ vùi thân ở đáy hồ Grom, thì hồ Grom là mồ bạc-mệnh, các nhà văn đua nhau mà than mà khóc. Bây giờ, nhảy xuống hồ Grom lại là một sự quá thường, chẳng bố người ta đàm-tiêu : biết bao nhiêu thiếu-nữ chỉ hơi bất-bình một tí, cũng dẫn đi trầm mình !

Theo các lý-do ấy ta có thể luận rằng những vụ hồi-lộ, người ta ham xem, là những chuyện ít xảy ra. Và nhân đây ta lại có thể nói rằng trong các viên-chức chỉ họa-hoàn mới có một vài người không tốt, còn hồ hết là những bậc liêm-khiết, thương dân như cha mẹ thương con...

HÔNG THI

Các ngài hẳn không lạ gì mấy câu thơ của Trần-
tế-Xương năm thi khoa Bính ngọ :

*Mai không tên tở, tở đi ngay !
Giỗ tết từ đây nhớ lấy ngày...
Học đã sôi cơm nhưng chưa chín.
Thi không ăn ớt thẽ mà cay.
Sách đèn phó mặc đàn con trẻ,
Thưng đấu nhờ lưng một mẹ mày,
« Hầu tở, mét sì » thông mọi tiếng,
Chẳng sang Tàu, tở cũng sang Tây !*

Cứ kể ra thông được mấy tiếng « hầu tở mét sì »
là cũng đã tam đủ đề sang Tây sang Tàu thật, nhưng

CHUYỆN VÔ-LÝ

Tế-Xương rồi cũng chẳng đi tới đâu, chẳng qua lúc bực tức thì dọa dẫm bà Tú như vậy mà thôi. Chứ không đến nỗi đi đâm đầu xuống biển như một cậu học sinh hỏng kỳ tú-tài đã phần chí ở Đồ-Sơn hôm rồi.

Hông thi mà đến tự-tử, hồng thi mà đến dặn người nhà « *giỗ tết từ đây nhớ lấy ngày* » !.

Cái nọc khoa cử ở đời trước không những đến đời này chưa dứt, mà lại còn thâm-khốc hơn nhiều.

Cho hay cách nhau ba-mươi năm, hai thế-hệ vẫn còn chung một lý-tưởng, : bằng cấp !

Ngày xưa thi để làm gì ?

Tú Xương đã trả lời :

*Ví bằng thi đỗ làm quan lớn,
Thì cũng nhà to, cưới chị hầu.*

Tuy là một lời hoạt-kê, nhưng thật có bao hàm một sự thực soàng-sính, bản thủ.

Bây giờ thi để làm gì ?

Đề lấy bằng cấp là cái chìa khóa mở cửa các phòng cạo giấy, và mở hòm tư-trang của những cô dâu. Nghĩa là cũng đại để như trước, thi đỗ rồi ra làm quan, rồi nhà to, rồi cưới hầu...

CHUYỆN VÔ-LÝ

Cái óc bằng cấp ở trong đầu sĩ-tử là thế, mà sở dĩ nó thế, cũng vì cái óc của bậc phụ-huynh cũng chỉ loanh quanh trong vòng bằng cấp. Ai có con cho đi học, cũng mong cho thi đỗ rồi chiếm lấy một ghế ngồi trong công-sở. Có theo thế mới là con nhà gia-giáo !

Còn hễ học giỏi nhưng thi hỏng, thì bố mẹ nhिềc mắng, nhục-nhấ vô cùng.

Bởi vậy nên khi thi hỏng người ta mới thốt ra những lời chán nản :

*Bụng buồn còn muốn nói năng chi,
Đệ nhất buồn là cái hỏng thi,
Một việc văn-chương thôi cũng nhảm,
Trăm năm thân-thế có ra gì !*

Trăm năm thân-thế, chỉ vì thi hỏng mà không còn ra gì nữa. Hễ hỏng thi thì mới cho văn chương là nhảm-nhí. Thế thì còn đợi gì mà chẳng đi tự-tử cho rồi !

Ôi, biết bao giờ cho ta nhận ra được rằng bằng cấp chỉ là một cái bằng-chứng chứng-tỏ là ta đã chính-thức học qua ít nhiều sách vở, đã chính-thức rèn luyện trí-não đến một trình độ nào đó, chỉ có thế thôi, chứ không hẳn là chỉ có nó mới cho ta được đôi chút danh-

CHUYỆN VÔ-LÝ

dự và cũng chỉ có nó mới giúp cho ta một phương-tiện duy-nhất trên đường doanh-sinh.

Trường đời đâu có phải như trường học : cuộc tranh đấu sau khi tốt-nghệp ở trường học rồi, mới là bắt đầu trong trường đời.

Vậy thì học đến lúc lấy được bằng cấp thì đã là xong mọi việc đâu mà có bằng cấp thì khoe-khoang, không bằng cấp thì tự-tử !

MẤT HẾT

Cuộc sinh-hoạt mỗi lúc một gay-go, thì cách kiếm ăn cũng mỗi ngày một khó. Nhất là về tháng củ-mật : trộm cắp nảy ra thật lắm.

Thôi thì tiền gạo quần áo, đồ vật, mất luôn. Ông Hàn kia vừa đây, lại mất cả kim-tiền với kim-khánh nữa.

Trong ý-nghĩ của kẻ trộm, kim-tiền với kim-khánh chỉ là vật bán ra được tiền, cũng như quần áo hay đồ vật. Vả lại không lại là thứ dùng đến luôn, chẳng qua một năm có mấy ngày tư ngày tết, thì có lấy đi cũng chẳng hại gì.

Nhưng người mất kim-khánh kim-tiền thì lại không

CHUYỆN VÔ-LÝ

nghĩ thế. Ví phỏng kẻ trộm chỉ lấy tiền gạo hay quần áo thôi, ông Hàn cũng chẳng nỡ nào làm đơn đi kiện. Song lấy kim-tiền, kim-khánh, thì là một chuyện tày trời, ông Hàn tất nhiên phải đem đến cửa công.

Tất nhiên phải thế, vì nghĩ mà xem, mất kim-tiền, kim-khánh thì ông Hàn có còn gì nữa đâu ?

Mất hết !

Sa-Đéc

Friday, June 17, 2016

Có ai tưởng tượng được rằng một ông Hàn mà lại không có kim-khánh với kim-tiền ! Có ai tưởng tượng được rằng mất kim-khánh với kim-tiền, ông Hàn vẫn còn giữ nguyên được danh-giá ông Hàn !

Ông Hàn không thể nào không đeo kim-khánh, với kim-tiền. Đó hình như là một điều bất khả kháng. Thế thì khi đã mất cả kim-tiền lẫn kim-khánh, ông sẽ tất-nhiên chỉ còn là một người tầm-thường. Tầm-thường như thế, ai kể vào đâu, mà còn làm nên được việc gì nữa vì còn lấy đâu ra tín-nhiệm.

Muốn được tín-nhiệm, phải có chút-đỉnh gì đó để đeo vào ngực hay có dòng máu của người sang chảy trong huyết quản, hoặc nữa, ít ra cũng phải có chút hơi hướng với người sang nó làm cho mình được thơm lây.

Tôi đã từng thấy một tấm danh-thiếp :

CHUYỆN VÔ-LÝ

Trần-văn-Cột

voisin de Son Excellence Hoàng.

Người đời đã quen tin cần những hình thức này rồi.

Người đời cho rằng có những thứ này thì hẳn là người tử tế, không còn phải hạng vong-gia thất-thổ, chuyên nghề lường-đảo.

Cho nên những quân lường-đảo muốn lợi-dụng lòng tin-cần kia, chỉ có việc đem ông cha, họ hàng, làng xóm ra phô, hoặc đem đồ chơi ra đeo, là đủ làm nên công chuyện.

Khờ thay kẻ chỉ khăng khăng trông cậy ở mình, ở thân mình, ở tài mình !

